ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON 7/5

BỘ PHẬN: KẾ TOÁN

MÃ ĐƠN VỊ SDNS: 1031114

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG, CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG

THÁNG 12 NĂM 2022

LTT:1.490.000đ

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	PC CV	PC TN	PC KV	HSPCTN		HSPC V.khung		HSPC ngành 50%	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Ngày hưởng lương thực tế	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ			Thuế TNCN	Giảm trừ gia cảnh	Thực lĩnh	Ghi chú
							%	Hệ số	%	Hệ số					Trích vào CF	Trừ vào lương	Trích vào CF	Trừ vào lương	Trích vào CF	Trừ vào lương	Trích vào CF	Trừ vào lương	Số để lại chi đơn vị				
1	Nguyễn Thị Phúc	V.07.02.25	4,98	0,50		0,50	30%	1,7486	7%	0,3486	2,91430	10,99148	16.377.305			903.200		169.350		112.900						15.191.855	
2	Nguyễn Thị Lý	V.07.02.25	4,98	0,35		0,50	24%	1,3390	5%	0,2490	2,78950	10,20746	15.209.115			824.621		154.616		103.078						14.126.801	
3	Nguyễn Thị Huyền	V.07.02.25	4,98	0,35		0,50	32%	1,7853	5%	0,2490	2,78950	10,65378	15.874.132			877.822		164.592		109.728						14.721.991	
4	Vũ Thị Hiên	V.07.02.26	4,89			0,50	35%	1,8655	9%	0,4401	2,66505	10,36069	15.437.421			857.720		160.822		107.215						14.311.664	
5	Đặng T.Phương Hương	V.07.02.26	4,89			0,50	35%	1,8142	6%	0,2934	2,59170	10,08929	15.033.042			834.113		156.396		104.264						13.938.269	
6	Nguyễn Thị Vân Anh	V.07.02.25	4,65			0,50	17%	0,7905			2,32500	8,26550	12.315.595			648.508		121.595		81.063						11.464.429	
7	Đỗ Thị Thu Hiền	V.07.02.25	4,98			0,50	21%	1,0458			2,49000	9,01580	13.433.542			718.275		134.677		89.784						12.490.806	
8	Đỗ Thị Bích Hường	V.07.02.25	4,65			0,50	23%	1,0695			2,32500	8,54450	12.731.305			681.764		127.831		85.221						11.836.489	

9	Trịnh Thị Tuyết	V.07.02.25	4,98	0,15		0,50	20%	1,0260			2,56500	9,22100	13.739.290			733.795		137.587		91.724							12.776.184	
10	Lê Thị Thơ	V.07.02.25	4,65	0,20		0,50	21%	1,0185			2,42500	8,79350	13.102.315			699.525		131.161		87.441							12.184.188	
11	Khúc Thị Hường	V.07.02.25	4,32			0,50	21%	0,9072			2,16000	7,88720	11.751.928			623.082		116.828		77.885							10.934.133	
12	Ngô Thị Mai	V.07.02.25	3,99	0,15		0,50	17%	0,7038			2,07000	7,41380	11.046.562			577.381		108.259		72.173							10.288.749	
13	Nguyễn Thị Hoài	V.07.02.25	3,99	0,20		0,50	18%	0,7542			2,09500	7,53920	11.233.408			589.349		110.503		73.669							10.459.888	
14	Lê Thị Thanh Huyền	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259							9.133.420	
15	Nguyễn Thị Bích	V.07.02.26	3,34			0,50	16%	0,5344			1,67000	6,04440	9.006.156			461.828		86.593		57.729							8.400.006	
16	Lê Mỹ Hằng	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259							9.133.420	
17	Trịnh Thị Thúy	V.07.02.25	3,66			0,50	15%	0,5490			1,83000	6,53900	9.743.110			501.713		94.071		62.714							9.084.612	
18	Trịnh T. Như Quỳnh	V.07.02.25	3,66			0,50	15%	0,5490			1,83000	6,53900	9.743.110			501.713		94.071		62.714							9.084.612	
19	Lương Thị Hà Quỳnh	V.07.02.25	3,66			0,50	14%	0,5124			1,83000	6,50240	9.688.576			497.350		93.253		62.169							9.035.804	
20	Nguyễn Thị Hường	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259							9.133.420	
21	Phạm Thị Nhài	V.07.02.25	3,66			0,50	15%	0,5490			1,83000	6,53900	9.743.110			501.713		94.071		62.714							9.084.612	
22	Ng Thị Thu Hường	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259							9.133.420	
23	Nguyễn Thị Tâm	V.07.02.25	3,66			0,50	15%	0,5490			1,83000	6,53900	9.743.110			501.713		94.071		62.714							9.084.612	
24	Phạm Thị Kiều	V.07.02.25	3,66			0,50	16%	0,5856			1,83000	6,57560	9.797.644			506.076		94.889		63.259							9.133.420	
25	Lê Thị Thanh Loan	V.07.02.25	3,66			0,50	11%	0,4026			1,83000	6,39260	9.524.974			484.262		90.799		60.533							8.889.380	
26	Nguyễn Thị Huyền	V.07.02.25	3,33			0,50	11%	0,3663			1,66500	5,86130	8.733.337			440.599		82.612		55.075							8.155.051	
27	Nguyễn Thị Thủy	V.07.02.26	4,89			0,50	32%	1,6900	8%	0,3912	2,64060	10,11178	15.066.558			830.965		155.806		103.871							13.975.916	
28	Nguyễn Thị Tình	V.07.02.25	4,98			0,50	31%	1,6519	7%	0,3486	2,66430	10,14477	15.115.701			832.072		156.013		104.009							14.023.607	

29	Hà Lan Anh	V.07.02.25	3,99	0,15		0,50	17%	0,7038			2,07000	7,41380	11.046.562			577.381		108.259		72.173						10.288.749	
30	Nguyễn T.Thanh Yến	V.07.02.25	3,66			0,50	14%	0,5124			1,83000	6,50240	9.688.576			497.350		93.253		62.169						9.035.804	
31	Trần Thị Quý	V.07.02.25	3,66			0,50	17%	0,6222			1,83000	6,61220	9.852.178			510.438		95.707		63.805						9.182.228	
32	Nguyễn Hằng Thủy	V.07.02.26	3,34			0,50	15%	0,5010			1,67000	6,01100	8.956.390			457.847		85.846		57.231						8.355.466	
33	Trịnh Thị Thúy (B)	V.07.02.25	3,66			0,50	12%	0,4392			1,83000	6,42920	9.579.508			488.625		91.617		61.078						8.938.188	
34	Nguyễn Thị Lời	V.07.02.25	3,33			0,50	10%	0,3330			1,66500	5,82800	8.683.720			436.630		81.868		54.579						8.110.644	
35	Lê Thị Thúy	V.07.02.25	3,33	0,20		0,50	13%	0,4589			1,76500	6,25390	9.318.311			475.477		89.152		59.435						8.694.248	
36	Phạm Thị Bình	V.07.02.25	3,33			0,50	13%	0,4329			1,66500	5,92790	8.832.571			448.538		84.101		56.067						8.243.865	
37	Nguyễn Hồng Tuyến	V.07.02.26					11%	0,0000			1,51500	1,51500	2.257.350			0		0		0						2.257.350	TS
38	Phạm Thị Hải Yến	V.07.02.26	3,34			0,50	11%	0,3674			1,67000	5,87740	8.757.326			441.922		82.860		55.240						8.177.303	
39	Chèo Y Mẩy	V.08.03.07	4,06	0,20		0,50			7%	0,2842		5,04420	7.515.858			541.669		101.563		67.709						6.804.918	
40	Cà T. Quỳnh Thanh	06a.032	3,66		0,10	0,50						4,26000	6.347.400			436.272		81.801		54.534						5.774.793	
Cộng			**157,09**	**2,45**	**0,10**	**19,5**		**30,520395**		**2,6041**	**78,48495**	**290,749445**	**433.216.673**			**22.965.608**		**4.306.051**		**2.870.701**						**403.074.313**	
41	Trần Mạnh Hưởng	01.005											3.640.000			291.200		54.600		36.400						3.257.800	
42	Phạm Duy Tới	01.005											3.640.000			291.200		54.600		36.400						3.257.800	
Cộng			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,0**				**0,0000**		**0,00000**	**7.280.000**			**582.400**		**109.200**		**72.800**						**6.515.600**	
Tổng cộng			**157,09**	**2,45**	**0,10**	**19,5**		**30,520395**		**2,6041**	**78,48495**	**290,74945**	**440.496.673**			**23.548.008**		**4.415.251**		**2.943.501**						**409.589.913**	

Tổng số tiền (ghi bằng chữ): Bốn trăm linh chín triệu năm trăm tám chín nghìn chín trăm mười ba đồng chẵn

Ngày 02 tháng 12 năm 2022

Người lập

Cà Thị Quỳnh Thanh

Hiệu trưởng

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON 7/5

Nguyễn Thị Phúc